

ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ **ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**
ỦY BAN KIỂM TRA TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

*

Số 03 -CV/UBKTĐU

Về triển khai văn bản của Trung ương về công tác
kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Kính gửi: Cấp ủy cơ sở trực thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thực hiện Công văn số 3144-CV/UBKTTU ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy về việc triển khai Quy định số 262-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định số 264-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 263-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 225-QĐ/TW của Ban Bí thư.

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị các cấp ủy cơ sở:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai các văn bản đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý:

(1) Quy định số 225-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2024, của Ban Bí thư, về giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (Quy định số 225-QĐ/TW);

(2) Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 03 tháng 02 năm 2025, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28 tháng 7 năm 2021, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (Quy định số 262-QĐ/TW);

(3) Quy định số 264-QĐ/TW, ngày 14 tháng 02 năm 2025, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06 tháng 7 năm 2022, của Bộ Chính trị, về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (Quy định số 264-QĐ/TW);

(4) Quyết định số 263-QĐ/TW, ngày 14 tháng 02 năm 2025, về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 35-QĐ/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2021, của Bộ Chính trị, ban hành Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Quyết định số 263-QĐ/TW)

Thời gian hoàn thành việc triển khai: **trước ngày 31 tháng 3 năm 2025.**

2. Báo cáo kết quả của việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai các văn bản nêu trên (nêu cụ thể: thời gian, hình thức tổ chức, thành phần, số lượng người tham dự, đánh giá hiệu quả của việc triển khai các văn bản) về Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 04 tháng 4 năm 2024.**

(Đính kèm các văn bản Quy định số 262-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định số 264-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 263-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 225-QĐ/TW của Ban Bí thư)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (để báo cáo),
- Ban Thường vụ ĐU UBND/TP (để báo cáo),
- Đ/c Phó Bí thư, Chủ nhiệm UBKT ĐU UBND/TP (để báo cáo),
- UBKT ĐU UBND/TP (chuyên trách),
- Lưu UBKT ĐU UBND/TP.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Đoàn Lộc

ƯỚP TỰ THAM MƯU NHIỆM VỤ LƯU

QUY ĐỊNH

về giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII,

Ban Bí thư quy định về giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm giải mật đối với thông tin bí mật nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được ban hành, lưu trữ tại cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp trong toàn Đảng.

2. Quy định này áp dụng đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp và các cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng* là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, được người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

2. *Bí mật nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng* là thông tin có nội dung quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng do người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc và của Đảng.

Hình thức chứa bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng bao gồm: Tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác.

3. Giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng là việc xoá bỏ độ mật của bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

4. *Đương nhiên giải mật* là tự động xoá bỏ độ mật của bí mật nhà nước mà không cần phải xem xét, đánh giá, quyết định việc giải mật.

Điều 3. Nguyên tắc giải mật

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng.

2. Bảo đảm lợi ích, an ninh quốc gia của Đảng, Nhà nước và của cơ quan, tổ chức.

3. Thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền và trách nhiệm, trình tự, thủ tục theo quy định.

4. Các thông tin bí mật nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được cấp có thẩm quyền cho phép công bố thì thông tin đó (trong các tài liệu khác) cũng được coi là giải mật.

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm

1. Lợi dụng việc giải mật để làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật; xuyên tạc, bôi nhọ, gây ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm của cá nhân, uy tín của tổ chức.

2. Thực hiện giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng không đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định.

3. Các hành vi khác trái với quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Quy định này và các văn bản có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước

1. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng là khoảng thời gian được tính từ ngày xác định độ mật của bí mật nhà nước đến khi hết thời hạn như sau:

a) 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật.

b) 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tồi mật.

c) 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật.

2. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có thể được xác định ngắn hơn thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này và phải được xác định cụ thể trên dấu "THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC" đóng trực tiếp lên tài liệu hoặc vật chứa bí mật nhà nước khi xác định độ mật.

3. Đối với bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xác định độ Tuyệt mật thì việc giải mật một phần hoặc toàn bộ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật do Bộ Chính trị quyết định.

4. Độ mật và thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng chứa trong một bộ hồ sơ, tài liệu được xác định theo tài liệu có độ mật cao nhất, có thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước dài nhất (nếu cùng một độ mật) được lưu trong hồ sơ đó.

Điều 6. Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước

1. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được gia hạn nếu thực hiện giải mật sẽ gây nguy hại đến lợi ích, an ninh quốc gia, dân tộc và của Đảng.

Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước. Mỗi lần gia hạn không quá thời hạn quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

2. Bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng sau khi gia hạn phải được đóng dấu gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, có văn bản xác định việc gia hạn.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được gia hạn, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy đã gia hạn phải thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi nhận được thông báo về việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có trách nhiệm đóng dấu "GIA HẠN THỜI HẠN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC", có văn bản xác định việc gia hạn đối với bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Giải mật bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

1. Bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được đương nhiên giải mật trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước và thời gian gia hạn bí mật nhà nước được quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này mà không tiếp tục được gia hạn.

b) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức đảng xác định bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng phải đóng dấu, có văn bản xác định việc giải mật và thông báo ngay bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Giải mật bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trước thời hạn

Trường hợp để đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích của quốc gia, dân tộc và của Đảng; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế thì có thể xem xét, quyết định giải mật toàn bộ hoặc một phần trước thời hạn quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

Điều 8. Quy trình giải mật trước thời hạn

1. Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ (là cơ quan xác định bí mật nhà nước) căn cứ yêu cầu thực tiễn để quyết định thành lập Hội đồng giải mật bí mật nhà nước.

2. Thành phần Hội đồng giải mật bao gồm: Đại diện lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ bí mật nhà nước làm Thư ký Hội đồng; đại diện các cơ quan, tổ chức khác có liên quan là thành viên Hội đồng. Số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền ký quyết định thành lập Hội đồng xem xét, quyết định.

3. Hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét việc giải mật; thảo luận tập thể, kết luận theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Các ý kiến khác nhau phải ghi vào biên bản cuộc họp để báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền giải mật quyết định.

4. Bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng sau khi giải mật phải đóng dấu, có văn bản xác định việc giải mật; trường hợp giải mật một phần thì quyết định giải mật phải thể hiện đầy đủ nội dung thông tin được giải mật.

5. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày có quyết định giải mật, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ ở Trung ương và địa phương quyết định giải mật phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi nhận được thông báo về giải mật có trách nhiệm đóng dấu, có văn bản xác định giải mật đối với bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

6. Hồ sơ giải mật bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng phải được lưu trữ bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng giải mật; Tờ trình đề nghị giải mật bí mật nhà nước và danh mục bí mật nhà nước đề nghị giải mật; biên bản họp Hội đồng giải mật; quyết định giải mật và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định giải mật

1. Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có thẩm quyền quyết định giải mật đối với các loại hồ sơ, tài liệu do mình xác định bí mật nhà nước hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý, kế thừa sau khi cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước được sáp nhập hoặc giải thể.

2. Đối với bí mật nhà nước về thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng do Lưu trữ lịch sử của Đảng hoặc cơ quan Bảo mật lưu trữ các cấp bảo quản, nếu không xác định được cơ quan xác định bí mật nhà nước thì Lưu trữ lịch sử của Đảng hoặc cơ quan Bảo mật lưu trữ quyết định việc giải mật theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 10. Trách nhiệm giải mật

1. Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền được giao.

2. Hội đồng giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo Khoản 3, Điều 8 Quy định này.

3. Đơn vị hoặc người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ thông tin bí mật nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng ở các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có trách nhiệm định kỳ hằng năm rà soát, tham mưu người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện giải mật đối với bí mật nhà nước thuộc trường hợp cần giải mật theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Mọi hành vi vi phạm Quy định này và các quy định khác của Đảng, Nhà nước về giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Định kỳ tháng 12 hằng năm, các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng cho năm tiếp theo đối với những hồ sơ, tài liệu đến thời hạn giải mật.

4. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn quá trình thực hiện việc giải mật thông tin công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng của cấp uỷ và các tổ chức đảng trực thuộc; định kỳ báo cáo hằng năm, báo cáo đột xuất (nếu có) với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp về kết quả thực hiện Quy định này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ kiến nghị, đề xuất, báo cáo Ban Bí thư (qua Uỷ ban Kiểm tra Trung ương) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trần Cẩm Tú



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
10-02-2025 13:43:13 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 262-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2025

QUY ĐỊNH

**về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW,
ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Kết luận số 09-KL/BCĐ, ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả,

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều

1. Sửa đổi, bổ sung các Khoản 1, 5, 6, 12, Điều 3 như sau:

"1. Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ. Các thành viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoạt động chuyên trách và kiêm nhiệm. Ủy ban kiểm tra đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; quận uỷ, huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ (thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ) và tương đương có thành viên kiêm nhiệm là trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức cấp uỷ là cấp uỷ viên, chánh thanh tra cùng cấp (nếu có).

5. Chủ thể kiểm tra, giám sát gồm: Chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ).

6. Đối tượng kiểm tra, giám sát gồm: Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ,

thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; đảng viên.

12. Thời hiệu xử lý kỷ luật của Đảng là thời hạn mà khi hết thời hạn đó, tổ chức đảng, đảng viên có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm tổ chức đảng, đảng viên thực hiện hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật".

2. Sửa đổi, bổ sung Tiết đ, Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 4 như sau:

"đ) Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ với các cơ quan liên quan".

3. Sửa đổi, bổ sung các Mục c, e, Tiết 2.3.1, Điểm 2.3, Khoản 2, Mục e, Điều 4 như sau:

"c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.

e) Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nâng ngạch, chuyển ngạch, bố trí, sử dụng, giới thiệu ứng cử, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ".

4. Lược bỏ Điều 6.

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm 1.4, Khoản 1, Điều 8 như sau:

"1.4. Trường hợp uỷ ban kiểm tra có ý kiến khác với ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ thì uỷ ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, đồng thời báo cáo uỷ ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với ban thường vụ, cấp uỷ cấp dưới thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Trường hợp Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định".

6. Sửa đổi, bổ sung Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 8 như sau:

"2.1. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng từ 23 đến 25 Uỷ viên (trong đó có 2 đến 3 Uỷ viên kiêm nhiệm), trong đó không quá một phần ba là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thường trực Uỷ ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm; số lượng Phó Chủ nhiệm do Bộ Chính trị quyết định".

7. Lược bỏ Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 8:

8. Bổ sung Điểm 2.3a, Khoản 2, Điều 8 như sau:

"2.3a. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội và Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

- Số lượng từ 9 đến 11 ủy viên; riêng Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ từ 11 đến 13 Ủy viên, gồm một số Ủy viên kiêm nhiệm và chuyên trách, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là đồng chí Phó Bí thư hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy kiêm nhiệm".

9. Sửa đổi, bổ sung Điểm 2.10, Khoản 2, Điều 8 như sau:

"2.10. Tổ chức bộ máy, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở thuộc Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội và Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn sau khi thống nhất với các đảng ủy nêu trên và Ban Tổ chức Trung ương".

10. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3, Phần a, Mục 3.2.1.2, Tiết 3.2.1, Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 8 như sau:

"- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực".

11. Sửa đổi, bổ sung Điểm 4.4, Khoản 4, Điều 8 như sau:

"4.4. Hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp, và cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chỉ đạo kiện toàn ủy ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra".

12. Bổ sung Khoản 5, Điều 8 như sau:

"5. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập.

5.1. Kiểm soát tài sản, thu nhập

a) Đối tượng kiểm soát: Đảng viên là cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý (không phải là bí thư, phó bí thư cùng cấp) và đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan đảng cùng cấp và cấp dưới theo quy định.

b) Nội dung kiểm soát: Tài sản, thu nhập của đảng viên kê khai và của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến tài sản, thu nhập của đảng viên (vợ hoặc chồng, con chưa thành niên).

5.2. Thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp huyện trở lên có thẩm quyền quyết định xác minh tài sản, thu nhập của đảng viên thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan đảng cùng cấp và cấp dưới theo quy định.

- Xác minh về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai tài sản, thu nhập; nguồn gốc, biến động tài sản, thu nhập của đảng viên và người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của đảng viên).

- Kết luận về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai tài sản, thu nhập và nguồn gốc, biến động tài sản, thu nhập".

13. Sửa đổi, bổ sung các Khoản 1, 8, 12, Điều 9 như sau:

"1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tất cả tổ chức đảng, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

8. Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với tổ chức đảng, đảng viên phải thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

12. Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị".

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7, Điều 16 như sau:

"7. Quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được giao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên quyết định".

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 22 như sau:

"4. Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng, sau khi xem xét, kết luận phải biểu quyết bằng phiếu kín việc quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Việc tính số phiếu biểu quyết để quyết định hình thức kỷ luật thực hiện như quy định tại Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 15 của Quy định này".

16. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 30 như sau:

"1. Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhận thấy đảng viên có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức sẽ gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm; đồng thời, giao trách nhiệm cho cấp ủy quản lý đảng viên đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định này.
2. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đảng ủy, tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội và Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**



Tô Lâm

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 263-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

V/c: - *Cabole TV UB*
- *Cabole TV Đ.Đ.Đ.*

*Yao qu: Cai đ/c Đ.Đ.Đ.
Cai phoi e V*

QUYẾT ĐỊNH

sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 35-QĐ/TW, ngày 15/10/2021 của Bộ Chính trị ban hành Quy trình giải quyết

khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Bộ Chính trị, Ban Bí thư

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

ĐẾN

Số *23.45*, Ngày *24.02.2025*
Chuyên: *Đ/c Ron. PCN. TV*
Lưu hồ sơ: Căn cứ Điều lệ Đảng; *25.2/2025*

Lưu VP CB
25.2/2025
Uanh

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Mục I, Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành kèm theo Quyết định số 35-QĐ/TW, ngày 15/10/2021 của Bộ Chính trị như sau:

"2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thành lập Đoàn kiểm tra. Trưởng Đoàn

kiểm tra là đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng; lãnh đạo các ban đảng Trung ương; Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội và Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. Trường hợp đối tượng khiếu nại là tổ chức đảng trực thuộc Trung ương hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng trở lên thì Trưởng Đoàn kiểm tra là đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các ban đảng Trung ương, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Trần Cẩm Tú

QUY ĐỊNH

**về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 69-QĐ/TW,
ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng,
đảng viên vi phạm**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 và Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Quy định số 191-QĐ/TW, ngày 29/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,

Bộ Chính trị ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 1, Điều 6 như sau:

"e) Biết mà không ngăn chặn hoặc đê cán bộ, đảng viên thuộc tổ chức mình trực tiếp quản lý xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả nghiêm trọng."

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 2, Điều 11 như sau:

"e) Bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định hoặc không kiến nghị xử lý đảng viên có hành vi chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, lãng phí,

tiêu cực, sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy xác nhận không hợp pháp."

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 17 như sau:

"Điều 17. Vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực."

4. Sửa đổi, bổ sung các Điểm b, c, Khoản 1, Điều 17 như sau:

"b) Không lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và cán bộ, đảng viên thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định.

c) Buông lỏng lãnh đạo, quản lý; thiếu kiểm tra, giám sát để phát hiện, xử lý kịp thời tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị."

5. Sửa đổi, bổ sung các Điểm a, b, c, d, đ, Khoản 2, Điều 17 như sau:

"a) Không xử lý, bao che, dung túng cho tổ chức, cá nhân tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và vi phạm quy định về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

b) Ban hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp mình về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Không xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý.

d) Không lãnh đạo, chỉ đạo hoặc có hành vi cản trở hoạt động thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

đ) Chỉ đạo chỉ xử lý nội bộ hoặc xử lý về hành chính đối với cá nhân tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có dấu hiệu tội phạm."

6. Sửa đổi, bổ sung các Điểm a, b, Khoản 3, Điều 17 như sau:

"a) Ban hành nghị quyết, quyết định chống lại chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

b) Lợi dụng việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để xuyên tạc, bẻ lái gây mất ổn định chính trị, xã hội; tham nhũng có tổ chức."

7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 39 như sau:

"Điều 39. Vi phạm quy định phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực."

8. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 1, Điều 39 như sau:

"c) Buông lỏng lãnh đạo, quản lý để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách mà không chủ động xử lý."

9. Sửa đổi, bổ sung các Điểm c, g, h, i, Khoản 2, Điều 39 như sau:

"c) Biết mà không báo cáo, phản ánh, xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; không thực hiện các quy định về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

g) Để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng tại cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách.

h) Tiết lộ thông tin, đe dọa, trả thù, trù dập người phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

i) Lợi dụng việc phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để vu khống cơ quan, tổ chức, cá nhân."

10. Sửa đổi, bổ sung các Điểm d, e, g, Khoản 3, Điều 39 như sau:

"d) Không chỉ đạo và tổ chức thu hồi hoặc cản trở hoạt động thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

e) Chỉ đạo xử lý hành chính, kinh tế đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có dấu hiệu tội phạm hoặc cho miễn truy cứu trách nhiệm hình sự trái pháp luật đối với người phạm tội tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

g) Lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che hoặc cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để làm trái quy định, trục lợi; dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí, tiêu cực."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Cẩm Tú